

## Độc tiểu thuyết “*Bóng của vũ khí*” của Hwang Sok-yong dưới góc nhìn huyền thoại

Nguyễn Lưu Hoàng Hữu Duyên

Trường THPT Huỳnh Văn Nghệ, Bình Dương

Email: nguyenuhoanghuuduyen@gmail.com

Ngày nhận bài: 11/10/2021; Ngày sửa bài: 02/5/2022; Ngày duyệt đăng: 10/5/2022

### Tóm tắt

Với hướng tiếp cận lý thuyết huyền thoại của Roland Barthes và lý thuyết diễn ngôn của Michel Foucault, chúng tôi xác lập ý thức giải huyền thoại của Hwang Sok-yong trong tiểu thuyết “*Bóng của vũ khí*” thông qua một số cổ mẫu, mô thức, sự kiện lịch sử có thật. Việc phân mảnh những huyền sử trung tâm, quan trọng trong đời sống tinh thần của người Hàn Quốc nhằm xây dựng một huyền thoại mới, gắn liền với tình hình chia cắt và cảm thức văn hoá của người Hàn, giúp người đọc nhìn thẳng vào bản chất của quá khứ, hình thành tư tưởng và tình cảm đúng đắn, phù hợp đối với chiến tranh, đất nước và con người Việt Nam.

**Từ khóa:** giải huyền thoại, diễn ngôn, chiến tranh Việt Nam, Hàn, *Bóng của vũ khí*, Hwang Sok-yong

### The novel “The shadow of arms” by Hwang Sok-yong from the mythological perspective

#### Abstract

With the approach to the myth theory of Roland Barthes and the theory of discourse by Michel Foucault, we establish Hwang Sok-yong’s sense of demystification in the novel “Shadow of Arms” through a number of archetypes, patterns, and actual historical events. The fragmentation of central and important myths in the spiritual life of Koreans aims to build a new myth, associated with the fragmentation situation and cultural sensibilities of Koreans, helping the reader to look directly at the nature of the past, forming the right thoughts and feelings for the war, the country, and the people of Vietnam.

**Keywords:** demystification, discourse, Vietnam war, Han, *The Shadow of Arms*, Hwang Sok-yong

#### 1. Đặt vấn đề

Chiến tranh Việt Nam chưa bao giờ là một đề tài lỗi thời dù cuộc chiến này đã chấm dứt vào năm 1975. Đặc biệt, trong bối cảnh giao lưu, hội nhập ngày nay, chúng ta cần lật giở lại những trang lịch sử đau thương để tìm kiếm những cách thức hòa giải, kết nối mối quan hệ hai nước. Chiến tranh Việt Nam là sự kiện quốc tế nổi bật

của thế kỷ XX, có tác động sâu sắc đến nhiều quốc gia và dân tộc. Từ lâu, Chiến tranh Việt Nam đã trở thành đề tài nghiên cứu của nhiều ngành khoa học, được tiếp cận và khai mở ở nhiều góc độ lý thuyết khác nhau. Kế thừa lý thuyết huyền thoại của Roland Barthes và lý thuyết diễn ngôn của Michel Foucault, chúng tôi quyết định phân tích tiểu thuyết “*Bóng của vũ khí*” của

Hwang Sok-yong bằng phương pháp giải huyền thoại, nhìn từ bối cảnh hậu hiện đại. Từ đó, chúng tôi phát hiện những tương đồng và dị biệt giữa hai dân tộc Việt - Hàn cũng như tìm hiểu những thay đổi bề sâu văn hoá lâu đời của Hàn Quốc.

## 2. Hwang Sok-yong và xu hướng phân mảnh huyền thoại trong bối cảnh hậu hiện đại

### 2.1. Dấu ấn huyền thoại trong sáng tác Hwang Sok-yong

Những khủng hoảng tư tưởng thế kỷ XX bắt buộc con người phải tìm kiếm những cách thức mới để giải quyết những vấn đề hiện thực cấp bách. Cho nên, việc tâm căn về trạng thái nguyên sơ là cách thức hữu hiệu nhất. Phục hưng huyền thoại trong văn chương giúp con người giải toả ức chế và đã kích xã hội phi lý, nêu lên khát vọng cá nhân chính đáng: *“Ở những thời điểm căng thẳng, đòi hỏi một sự tỉnh táo suy nghĩ cũng như sự thức tỉnh người đọc, nhà văn phải chọn cách khai thác bề sâu của chiêm nghiệm trước những vấn đề sinh tử - về thể xác lẫn tâm hồn - của con người bằng phương thức kích thích sự phát hiện từ những khối tinh tú phát ra nhiều tầng ý nghĩa. Từ đó, huyền thoại mới đã được cảm mốt bằng những tác phẩm độc đáo, mở đầu bằng những hình tượng lạ lẫm”* (Đặng Anh Đào, 2012). Các nhà văn có ý thức tái sinh huyền thoại bằng nhiều hình thức: hợp thể, giễu nhại, hoặc sáng tạo huyền thoại mới. Vai trò của huyền thoại không ngừng được nâng cao, trở thành huyết mạch chủ đạo trong đời sống tinh thần và văn chương hiện đại.

Hwang Sok-yong là một hiện tượng sáng tác đặc biệt của văn học Hàn Quốc. Cuộc đời ông dấn thân mạnh mẽ vào sự nghiệp đấu tranh vì độc lập, tự do, dân chủ cho đất nước và nghệ thuật vị nhân sinh. Ông từng tham chiến tại chiến trường miền

Trung Việt Nam theo chính sách liên minh *“More Flags”* của Mỹ - Hàn, phong trào dân chủ Gwangju chống lại chế độ độc tài, những chương trình giao lưu văn hoá nghệ thuật phi chính phủ. Trong Chiến tranh Việt Nam, ông làm công việc dọn dẹp hiện trường các vụ thảm sát, đã chứng kiến rất nhiều thủ đoạn chiến tranh tàn nhẫn, vô nhân đạo của các lực lượng quân đội, những thảm cảnh chết chóc, chia lìa đầy thương tâm, đau đớn. Cho nên, với đề tài Chiến tranh Việt Nam, sự giải bày của Hwang Sok-yong xem như một liệu trình chữa lành tâm hồn. Ông trung thành với khuynh hướng hiện thực, một kiểu hiện thực phóng sự thiên về mô tả, trình bày đời sống, không đưa kết luận chủ quan. Đó là lối văn hiện thực trung thực, khách quan, mang tinh thần đối thoại cao với độc giả, có khả năng phân giải những huyền thoại lịch sử cổ hủ trong tâm thức nhân dân Hàn Quốc, đánh thức một dân tộc ngủ say trong quá khứ huy hoàng trở về với thực tại tàn nhẫn.

Chiến tranh Việt Nam là một đề tài nhạy cảm trong văn học Hàn Quốc. Rất hiếm những tác phẩm viết về đề tài này được công nhận và đón đọc rộng rãi. Hwang Sok-yong là một trong số ít nhà văn được giới chuyên môn và bạn đọc đại chúng quan tâm, yêu thích. Ngoài đề tài lịch sử, ông còn sáng tác nhiều đề tài thế sự, đời tư. Về bút pháp sáng tạo, ở giai đoạn đầu, trang văn của ông đậm đặc màu sắc hiện thực. Giai đoạn sau dần chuyển sang chủ nghĩa hiện thực huyền ảo, pha lẫn tinh thần phóng khoáng của chủ nghĩa hậu hiện đại. Nhiều nhà nghiên cứu lý giải việc Hwang gắn bó lâu dài với lối viết hiện thực bởi đó là một di chứng lịch sử - văn hoá được mã hoá thành một kiểu vô thức tập thể: *“hình thức chủ nghĩa hiện thực này mang tính đặc thù về mặt văn hóa: nó không chỉ sử dụng cái mà chúng ta có thể gọi là*

*các quy ước thực tế truyền thống, nhưng cũng được dành để tìm ra cái thực và ý nghĩa ẩn đằng sau các hiện tượng được tạo ra bởi các ảnh hưởng và sự kiện được liệt kê ở trên”* (Kim, 2015: 23).

“*Bóng của vũ khí*” là cuốn tiểu thuyết viết về Chiến tranh Việt Nam xuất sắc của Hwang Sok-yong. Câu chuyện kể về hành trình về nhà của hạ sĩ Ahn Yong Kyu. Đầu truyện, Ahn còn phải luyện tập vật và tại thao trường địa ngục, sau đó anh được điều động đến Cục Điều tra (Đà Nẵng). Ahn phải theo dõi các hoạt động buôn bán trái phép chợ đen ở Đà Nẵng (miền Nam Việt Nam). Tại đây, Ahn được sống trong một thế giới mới, quen được nhiều đồng nghiệp Mỹ, Việt Nam, Hàn Quốc. Công việc của Ahn không vất vả và nguy hiểm như ở trên chiến trường. Nhưng anh phải mất nhiều thời gian để thâm nhập vào thị trường chợ đen. Người hướng dẫn anh làm quen với công việc là thiếu tá Krapensky. Người giới thiệu chỗ ở cho Ahn là Blue Jacket Kang. Trong nhiều nhiệm vụ kinh tế, Ahn chủ yếu phải làm việc với người Việt Nam: Tới, Phạm Minh, bác sĩ Trần, Nguyễn Cường, ... Cộng sự thân cận của Ahn là Tới - một người Việt nhiều kinh nghiệm, thực dụng, thông minh, nhanh lẹ. Tới giúp Ahn giải quyết thành công nhiều phi vụ lớn nhưng kết cục của Tới rất thê thảm. Ahn và Tới có cứu giúp một anh lính đào ngũ da đen tên Stapley, tuy nhiên không thành công, Stapley bị bắn chết ngay bên cạnh. Ahn cũng làm quen với Phạm Quyền - trợ tá của tướng Liam. Quyền là một nhân vật có tiếng tăm, quyền lực ở Đà Nẵng. Anh ta có tham vọng, dã tâm lớn, là người đứng sau các kế hoạch mở rộng áp Phụng Hoàng, quy hoạch quê vùng cao, thăm sát dân tộc Katu. Anh ta có một người vợ ngoại quốc - đồng hương của Ahn, tên là Oh Hae Jong. Cô gái này có dính

liú đến các hoạt động buôn lậu hàng hóa PX, chuyên lấy đàn ông ngoại quốc để đổi quốc tịch, kiếm tiền vượt biên sang Hồng Kông. Cuối truyện, Hae Jong còn nhờ Ahn gửi tiền về cho gia đình. Phạm Minh là em trai của Quyền, một người theo tổ chức cách mạng, làm hoạt động gián điệp dưới trướng của Quyền, lợi dụng hoạt động buôn bán nước mắm để vận chuyển vũ khí cho Việt Cộng trong rừng. Minh vô tình bị Ahn bắn chết trong một vụ xả súng tại kho nước mắm. Ngoài ra còn một số nhân vật khác cũng ảnh hưởng đến cốt truyện và mối quan hệ bạn bè - thù địch giữa các nhân vật. Tất cả sự thật được soi chiếu dưới lăng kính chiến tranh khắc nghiệt, làm nổi bật tình cảnh bi kịch, thân phận người lính.

Huyền thoại trong sáng tác của Hwang Sok-yong được biểu hiện phong phú ở phương diện nội dung và nghệ thuật. Ông chủ động vay mượn hệ thống cổ mẫu, motif, cốt truyện, hình tượng nhân vật trong văn học dân gian, tôn giáo, tín ngưỡng Hàn Quốc, Kinh Thánh, thần thoại Hy Lạp, mượn lối viết sử thi biên niên để ghi dấu chân dung con người thế kỷ XX, tái sinh hoặc hợp thể với các huyền thoại cổ xưa để tạo tác nên những huyền thoại mới về lịch sử hiện đại. Vết dấu huyền thoại được ghi nhận ngay trong nhan đề tác phẩm: *Bóng của vũ khí* (2014), *Công chúa Bari* (2015), *Vùng đất kỳ lạ* (1971), *Biên niên sử của ông Han* (1972), *Giấc mơ Hercules* (1974), *Giấc mơ Gangnam* (2010), ... Bởi vì huyền thoại là một khái niệm luôn vận động, rộng mở và ngày càng đi vào đời sống trần tục, văn hoá đại chúng.

Từ trước đến nay, mối quan hệ giữa huyền thoại và văn chương gắn bó chặt chẽ, mật thiết: huyền thoại tồn tại như một cảm hứng/ nội dung/ sự biểu đạt, cũng là một chất liệu sáng tạo/ hình thức nghệ thuật

giúp nhà văn vượt qua nguyên tắc cảm đoán của thiết chế xã hội mà đi sâu vào đời sống. Văn chương giúp huyền thoại duy trì sức sống lâu bền, gìn giữ và phát triển những giá trị Chân - Thiện - Mỹ. Chất hiện thực hòa kết cùng dòng chảy huyền thoại đã tạo nên sức cuốn hút diệu kỳ cho tác phẩm của Hwang Sok-yong.

## 2.2. Phân mảnh huyền thoại như một hình thức phản tư đời sống

Huyền thoại là một khái niệm phức tạp, xuất hiện lâu đời, không ngừng biến thiên và được tiếp cận, lý giải theo nhiều chiều hướng khác nhau. Nhưng nhìn chung, ý nghĩa của huyền thoại được nhìn nhận ở hai góc độ chính: huyền thoại theo nghĩa hẹp và huyền thoại theo nghĩa rộng. Về phạm vi nghĩa rộng, huyền thoại có sự dịch chuyển từ huyền thoại dân tộc - tôn giáo đến huyền thoại văn học, chính trị, lịch sử, từ cái thiêng liêng đến cái phàm tục, ... Huyền thoại không còn bị bó buộc trong một thể loại/truyện kể chặt hẹp. Philippe Brunel cho rằng huyền thoại là những gì mà văn chương đã biến tạo thành. Thế nên một tác phẩm/ nhân vật hư cấu có thể trở thành một khuôn mẫu/ biểu tượng tinh thần trong văn hoá đại chúng: Tristan và Yseult, Faust, Don Juan, ... Nhưng nói một cách khái quát và chính xác hơn, đó là nhu cầu, mong muốn, khát vọng của toàn bộ một nền văn hoá muốn biến một đối tượng nào đó trở thành huyền thoại. Thế là, huyền thoại hiện tồn như một cương lĩnh, ý thức hệ, tư tưởng. Pageaux (1994; Nguyễn Thị Thanh Xuân lược dịch, 2007: 27-28) cho rằng *“những huyền thoại ‘hình tượng - sức mạnh’ thuộc về xã hội học như Tiến bộ, Giông nòi, Máy móc, ... cũng bộc lộ rõ rệt ‘khả năng mê hoặc tập thể’ mạnh mẽ không thua kém gì sức hấp dẫn của những huyền thoại nguyên sơ”*. Nhưng dưới góc nhìn của một nhà

ngôn ngữ học, Roland Barthes cho *“Huyền thoại là một loại Ngôn từ”* (Myth is a type of speech) nên *“huyền thoại là một loại lời nói/ ngôn từ, mọi thứ đều có thể là huyền thoại miễn là nó được truyền tải bằng một diễn ngôn”* (Barthes, 1991: 107).

Diễn ngôn (lời nói) và huyền thoại trong nghiên cứu của Roland Barthes có mối quan hệ mật thiết. Diễn ngôn là chất liệu cấu tạo nên huyền thoại, nhưng không phải diễn ngôn nào cũng trở thành huyền thoại. Cho nên, *“huyền thoại không thể là một đối tượng, một khái niệm hay một ý niệm; đó là một phương thức biểu đạt, đó là một hình thức”* (Barthes, 1991: 108). và chất liệu thô dệt nên huyền thoại phải được gia công, tu sức kỹ lưỡng, hướng đến một thông báo cụ thể. Dựa trên mô hình ký hiệu của Roland Barthes, huyền thoại là một *“siêu ngôn ngữ”* (Méta-langage). Ý thức biểu đạt của huyền thoại được suy luận độc lập với chất liệu cấu thành nên chúng: bông hồng - tình yêu, anh lính da đen đang chào cờ kiêu Pháp - chủ nghĩa thực dân, ... Ngày nay, diễn ngôn trong giao cắt với tri thức và quyền lực không ngừng tái sinh và kiến tạo huyền thoại, đem đến những trải nghiệm và diễn giải khách quan về đời sống, con người. Trong *“Mythologie”* (1991), Roland Barthes quan sát quá trình các hiện tượng văn hoá đại chúng trở thành những huyền thoại cộng đồng, nhận diện cách thức mà loại huyền thoại này chi phối đời sống thực tiễn, giải mã ý thức thống trị, cơ chế quyền lực vận hành chúng.

Tiếp bước vào giai đoạn hậu hiện đại, Michel Foucault cũng đã mạnh dạn giải phóng chức năng và phạm vi của diễn ngôn, biến nó thành một công cụ khai mở tri thức và củng cố quyền lực. Foucault gắn diễn ngôn với phạm trù lịch sử - tư tưởng - văn hoá. Ông chủ động lựa chọn diễn ngôn bên

lễ, phi chính thống, mang tính cá nhân, thường vi phạm các nguyên tắc loại trừ của xã hội để làm đối tượng nghiên cứu: diễn ngôn của người điên, diễn ngôn tình dục, diễn ngôn thuộc địa, diễn ngôn nữ quyền, ... Như vậy, việc nghiên cứu giao cắt và quá trình thực hành diễn ngôn: xem ai được nói, ai bị cấm đoán, thiết chế xã hội nào có quyền tổ chức/ kiểm soát phát ngôn để tiến hành giải mã những ý nghĩa nằm ngoài ký hiệu ngôn ngữ. Phân tích diễn ngôn theo lý thuyết Foucault tương đương với hình thức giải đại tự của chủ nghĩa hậu hiện đại vì *“ham muốn và quyền lực luôn bám vào diễn ngôn, nên rất khó để giải huyền thoại, nhưng những khó khăn trên có thể được khắc phục một phần bằng cách chấp nhận sự võ đoán của ngôn ngữ và mọi quy ước xã hội. Tất cả các chế độ diễn ngôn đều được xây dựng, hệ thống hóa, sắp xếp theo văn hóa và được cung cấp chức năng và giá trị của chúng”* (Slethaug, 1995: 529-530).

Điểm gặp gỡ của lý thuyết Roland Barthes và Michel Foucault đều tựa trên nền tảng ngôn ngữ học của Ferdinand de Saussure nhưng chú trọng vai trò của lời trong đời sống hiện thực, gắn với thiết chế chính trị, trật tự xã hội, chuẩn mực đạo đức, văn hoá đại chúng. Cả hai đều chủ trương phá bỏ những rào cản ngôn ngữ để mở rộng phạm vi nghiên cứu.

Giải huyền thoại (demystification) là một ý thức/ biểu hiện quan trọng, phản ánh nhu cầu bức thiết của con người bị đè nén/ điều khiển bởi vật chất, máy móc, công nghệ thông tin. Nó là một kỹ thuật/ phương pháp phân mảnh, phản tư, đấu tranh chống lại giả thuyết đàn áp của thiết chế quyền lực, những huyền thoại chính trị, xã hội, văn hoá. Theo Roland Barthes, giải huyền thoại là hoạt động chống lại Doxa - *“giọng nói tự nhiên”* (The voice of natural). Theo triết

học Platon, nhân vị vong ngã bởi những quan điểm chính thống về tất cả sự vật/ hiện tượng bao quanh chúng ta và *“Sự ngự trị của Doxa tràn ngập trong xã hội hiện đại đến mức khiến mọi người quên đi rằng nó, Doxa, chỉ là một trong những quan điểm khả hữu về một vấn đề, một sự vật nào”* (Duong Ngọc Dũng, 2007: 85). Những định chế, quy ước, chuẩn mực, nguyên tắc, chỉ dẫn, lễ thói thuộc các lĩnh vực chính trị, văn hoá, triết học, văn học, ... đã không ngừng thuyết phục con người tin vào bản chất tự nhiên, chân lý của chúng bằng cách xoá mờ nguồn gốc ban đầu. Con người không thể nào tiêu diệt, giải phóng hoàn toàn bản ngã khỏi Doxa nhưng có thể làm suy yếu sức mạnh của nó nếu xác lập được sử tính và vị trí Doxa.

Chiến tranh Việt Nam là huyền sử vĩ đại của dân tộc Việt Nam, được xây dựng bởi một hệ thống diễn ngôn chính trị, văn hoá, xã hội thống nhất và chặt chẽ. Tuy nhiên, Chiến tranh Việt Nam trong sự tiếp nhận của người Mỹ, Pháp, Hàn, Trung Quốc, Đài Loan, Úc, ... lại hoàn toàn khác nhau. Sự thật về Chiến tranh Việt Nam vẫn còn là một câu hỏi bỏ ngõ, trong khi những tác phẩm viết về đề tài này dần mai một. Kỹ thuật giải huyền thoại qua *“Bóng của vũ khí”* của Hwang Sok-yong sẽ làm đứt gãy không ít những huyền thoại trung tâm của Hoa Kỳ và Hàn Quốc.

### **3. Hình thức phân mảnh huyền thoại Hàn Quốc trong “Bóng của vũ khí”**

#### **3.1. Sự kiện Chiến tranh Việt Nam**

Chiến tranh Việt Nam nằm trong bối cảnh Chiến tranh Lạnh nhưng không phải là sự kiện trọng yếu phân tranh quyền của các trục như Chiến tranh Triều Tiên (1950 - 1953). Bản chất Chiến tranh Việt Nam là cuộc chiến đấu giải phóng dân tộc khỏi ách thống trị của chế độ thực dân/ đế quốc,

giành độc lập, tự do. Sau chiến thắng Điện Biên Phủ, chính quyền Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đã ngồi vào bàn đàm phán với các lãnh đạo cấp cao của Nhà nước Pháp, Mỹ, Liên-xô, Trung Quốc để nghị bàn về vấn đề thiết lập hoà bình trên bán đảo Triều Tiên, Đông Dương. Hiệp định Geneve (Thụy Sĩ, 1954) quy định nội dung đình chỉ chiến sự ở Việt Nam là lấy vĩ tuyến 17 (sông Bến Hải) làm ranh giới phân chia đất nước thành hai vùng tập kết quân sự và thống nhất bằng con đường tổng tuyển cử. Đây là thời cơ để Mỹ lợi dụng ranh giới phân chia tạm thời này chia cắt đất nước vĩnh viễn như mô hình Chiến tranh Triều Tiên, miền Nam trở thành thuộc địa kiểu mới. Mỹ quan ngại hiệu ứng Domino sẽ bùng nổ ở Châu Á sau thành công của cách mạng Trung Quốc nên nhanh chóng thiết lập vành đai lửa, hiệu triệu một đội cảm tử sẵn sàng xả thân vì “*Vận mệnh siêu nhiên*” (Manifest destiny) của nước Mỹ. Bất đắc dĩ, Chiến tranh Việt Nam trở thành sân chơi chiến lược của các ông lớn đứng đầu các phe trục: Mỹ - Xô - Trung. Điểm nóng của Chiến tranh Lạnh dịch chuyển từ Đông Á (Triều Tiên) xuống địa phận Đông Nam Á (Đông Dương).

Chiến tranh Việt Nam là cơ hội để một số quốc gia chứng tỏ thực lực, tăng cường ảnh hưởng, phô trương vai trò lãnh đạo của mình. Tổng thống Park Chung-hee tuyên bố “*đây chính là thời điểm Hàn Quốc chuyển từ vị thế bị động sang vai trò chủ động đối với các vấn đề mang tính quốc tế*” (Byeong-cheon, 2006: 260). Park Chung-hee chủ động đề nghị cùng Mỹ đưa quân sang Việt Nam từ năm 1954. Đến năm 1964, Mỹ chính thức vận động hành lang, tăng cường quân lực bằng liên minh của MACV trong các chiến dịch “*More Flags*” (1/5/1964) cho phép đồng minh ngoài tổ chức SEATO, trong đó có Đại Hàn. Park Chung-hee điều

động hơn 300.000 (Byeong-cheon, 2006: 253) binh sĩ Nam Hàn sang Việt Nam. Đây là số lượng lính đánh thuê lớn thứ hai sau Mỹ. Đổi lại, Hoa Kỳ sẽ tăng cường hỗ trợ kinh tế và quân sự cho Hàn Quốc chống lại Triều Tiên.

Tỷ lệ nghịch với số tiền viện trợ khổng lồ là con số thương vong, thảm sát được ghi nhận trong lịch sử Việt Nam và Hàn Quốc. Theo Thống kê Chiến tranh Việt Nam của Viện Biên soạn Lịch sử Quân sự Hàn Quốc đến ngày 11/09/2006 ghi nhận 5.099 người chết; 10.962 bị thương (Vietnam War Statistics, 2005).

Hơn nữa, Chiến tranh Việt Nam đã làm phá vỡ hai trục huyền thoại trung tâm của Hàn Quốc. Đổ nền cho tiến trình và diện mạo lịch sử Hàn Quốc là huyền thoại lập quốc hiền hoà của Hàn Quốc được xác định dựa trên căn tính trọng Tình (Jeong). Trước khi tham gia Chiến tranh Việt Nam, Hàn Quốc là một xứ sở ôn hoà, thân thiện, chịu nhiều đau thương, mất mát. Tuy nhiên, trước sức ép chính trị - kinh tế suy thoái sau Thế chiến thứ II, Tổng thống Park Chung-hee đã quyết định gia nhập liên minh chống Cộng của Hoa Kỳ, hoà hoãn với Nhật Bản. Chính quyền Park chủ động viện trợ quân lực cho Mỹ ở chiến trường miền Trung Việt Nam dưới danh nghĩa đồng minh thân cận. Hoạt động tham chiến này đã thu về cho Hàn Quốc một số tiền khổng lồ giúp đất nước thoát nghèo và trở thành một biểu tượng kinh tế mới của Châu Á thế kỷ XX.

Chiến tranh Việt Nam đã tạo nên tiềm lực vực dậy Hàn Quốc sau đổ vỡ chiến tranh, đói nghèo. Kỳ tích/ huyền thoại trên sông Hàn (Miracle on the Han River) là niềm kiêu hãnh của kinh tế Hàn Quốc. Thuật ngữ này ám chỉ quá trình công nghiệp hoá - hiện đại hoá thần tốc, kỳ diệu của Đại Hàn Dân quốc từ giữa thế kỷ XX đến đầu

thế kỷ XXI, đánh dấu một kỷ nguyên mới, giải trừ *Han* (căm hận) trong lòng mỗi người. Lý do sâu xa tạo nên tài lực kinh tế đột biến của Hàn Quốc mà bất cứ người dân Hàn cũng ngầm hiểu là nhờ vào món tiền đánh thuê của đồng bào tại Việt Nam.

Thế nên, Chiến tranh Việt Nam trong tâm thức của người Hàn luôn là bóng đen ám ảnh. Sau nhiều năm cố gắng kiếm hãm những tác phẩm viết về Chiến tranh Việt Nam để giữ vững hệ huyền thoại lập quốc hiền hoà, các học giả thấy rằng đó không phải là cách thức hữu hiệu xoa dịu đau thương và hội nhập phát triển bền vững. Thế nên, họ đã vin vào tinh thần hậu hiện đại cởi mở mà truy nguyên lại sự thật, nhìn nhận và sửa sai.

### 3.2. Giải hành trình người anh hùng của Joseph Campbell qua chân dung người lính Hàn

Trong công trình “*Người hùng mang ngàn gương mặt*” (Campbell, 2004) đã xây dựng nguyên mẫu tự sự về người anh hùng (nam giới) “*monomyth*” (Huyền thoại duy nhất). Trong đó, hành trình của người anh hùng trải qua 17 giai đoạn được phân xếp thành ba cột mốc cơ bản, quan trọng: đầu tiên “*Ra đi*” (giai đoạn 1-5), tiếp đến “*Khai tâm*” (giai đoạn 6-11), cuối cùng “*Trở về*” (giai đoạn 12-17). Campbell đã kết hợp tri thức khoa học huyền thoại với những hiểu biết về tâm lý con người, không ngừng so sánh, đối chiếu với hàng loạt những huyền thoại nguyên thủy thuộc các nền văn hoá khác nhau để phát hiện những điểm gặp gỡ cứ tái lập, tiếp diễn tuần hoàn tạo thành một lộ trình thống nhất, toàn vẹn về cổ mẫu người anh hùng (Hero archetype).

Từ phát hiện mang tính chất hàn lâm của Campbell, những nhà nghiên cứu huyền thoại ngày nay đã mở rộng phạm vi ứng dụng “*monomyth*” vào đời sống thực tiễn:

con người bình thường hoặc phụ nữ đều có thể trở thành anh hùng. Thậm chí, tất cả mọi người đều có thể trở thành anh hùng trong một ngày. Từ đó loại suy, hành trình người anh hùng của Campbell là thước đo mức độ phát triển, trưởng thành của chính mình: đo lường sự biến đổi/ chuyển hoá về thể chất và tinh chất của con người trước môi trường sống. Chúng ta nên trải nghiệm nhiều thử thách, biết nghĩ đến người khác, quên đi bản thân mình, điều cần thiết là phải đánh bại bản thân, hạnh phúc đến từ niềm tin, sự tự do, lòng yêu thương, hiệp nghĩa. Hành trình người anh hùng theo nghĩa rộng, gắn bó với hiện thực muôn màu muôn vẻ.

Người lính trong văn học thế giới là một tượng đài đẹp đẽ, luôn được ca ngợi, học tập. Người lính với những phẩm chất phi thường, đáng quý: yêu nước nồng nàn, anh dũng hy sinh, thông minh, sáng suốt, lý tưởng cao cả, giàu lòng trắc ẩn, ... luôn là biểu tượng của chủ nghĩa anh hùng, là niềm tự hào của mỗi nền văn học. Hành trình chiến đấu của họ cũng đồng nhất với hành trình người anh hùng của Campbell. Tuy nhiên, không phải cuộc chiến nào cũng vĩ đại, không phải ai cầm súng cũng biến thành anh hùng. Chiến tranh Việt Nam trong văn học Việt Nam luôn đề cao hình tượng người lính cụ Hồ trí dũng, kiên cường. Và những người lính còn lại, thuộc các thể lực quân đội khác, sẽ trở thành những cái bóng ma, luôn bị thực tại phủ định. Quá trình chiến đấu của hạ sĩ Ahn Yong Kyu trong tiểu thuyết “*Bóng của vũ khí*” là hình thức giải thiêng hành trình người anh hùng Campbell, nhằm phản ánh những phi lý cuộc đời, nêu lên khát vọng hiện sinh đúng nghĩa.

Phần “*Ra đi*” đã bị nhà văn tỉnh lược, nhưng trong quá trình đối thoại giữa Ahn và Stapley, chúng ta cũng biết được Ahn đã đến Việt Nam bằng cách nào. Chính phủ ra lời

kêu gọi thanh niên thực hiện nghĩa vụ quân sự và hứa hẹn những món tiền thưởng kêch xù cho những ai hoàn thành nhiệm vụ quốc gia. Đất nước của Ahn bị chia cắt, nhà thực sự của anh ở phía Bắc Triều Tiên, gia cảnh đói nghèo, cơ cực. Vì thế, khát vọng đoàn viên, đời đời đã chiến thắng nỗi sợ mang tên Chiến tranh Việt Nam. Lời gọi phiêu lưu với anh chính là bài hát quân sự *“Tự hào và dũng cảm, để bảo vệ tự do và hoà bình của Việt Nam, bạn tham gia chiến tranh như một cuộc thập tự chinh vinh quang của tự do”* [1]. Bước ngoặt quan trọng nhất trong hành trình của Ahn là được chuyển đổi nhiệm vụ: từ hoạt động chiến trường, chuyển đến công việc văn phòng, tại trụ sở chính ở thành phố Đà Nẵng *“Trong gần sáu tháng, những điều duy nhất anh ấy từng thấy là những khu rừng ẩm ướt, những cánh đồng lúa bát ngát, những đầm lầy lầy lội, và bụi dẫm máu. Mọi người đều ghen tị với Yong Kyu vì đã thoát khỏi địa ngục này”* [2]. Chúng tôi xem đó là một sự giúp đỡ vô hình, dẫn dắt Ahn may mắn vượt qua cửa ải thứ nhất, rút ngắn con đường về nhà của Ahn. Tại Đà Nẵng, anh làm công việc theo dõi hoạt động buôn lậu, tàng trữ hàng cấm, biển thủ tiền công, vật tư của nhân viên PX ra chợ đen Đà Nẵng. Người cộng sự thân cận của anh là Tới (một người Việt Nam, nhiều kinh nghiệm).

Phần *“Khai tâm”*, con đường thử thách của Ahn với nhiệm vụ mới cũng không suôn sẻ như anh mong đợi. Đồng nghiệp người Mỹ luôn tỏ vẻ khinh thường anh. Họ luôn dùng từ *“gook”* để chỉ những lính Hàn. Từ này được lặp lại 7 lần, mang ý nghĩa phân biệt chủng tộc giữa người da trắng (Mỹ) với người da vàng Châu Á. Họ luôn gọi Ahn bằng những danh từ thô tục *“thằng chó”*, *“thằng chó đẻ”*. Ahn đã trải qua nhiều thử thách nhưng đều thất bại: Ahn cố gắng giải cứu Stapley nhưng anh ta lại bị bắn gục

ngay trên bến cảng; Ahn và Tới cùng nhau triệt phá đường dây buôn lậu của tập đoàn Hồng Kông, bắt trọn băng đảng gồm Trung tá Pak, Pig, anh rể của Pak, và nhóm cắt tóc và kết quả là Tới thanh trừng giết bởi một tổ chức Việt Cộng bí mật. Ahn muốn trả thù cho Tới nhưng lại giết nhầm Phạm Minh. Ahn đã không thể bảo vệ người cộng sự thân thiết lại vì trả thù mà giết nhầm người. Điều này làm anh đau khổ, dần vật rất nhiều. Trong khoảng thời gian, Ahn và Tới nằm vùng, lấy thông tin về các đường dây buôn lậu, họ quen biết Hae Jong, vợ của Phạm Quyền - Chỉ huy trong quân đội Chính phủ Việt Nam Cộng hoà, trợ lý của tướng Liam. Cô ấy từng qua lại với rất nhiều đàn ông, mục đích là đổi quốc tịch hợp pháp, bán tin mật và kiếm tiền vượt biên. Nhưng Hae Jong là cô gái có lòng tự trọng, cũng là người mà Ahn hứa giúp mang tiền của cô về cho gia đình *“Tôi không thể về nhà tay không. Tôi không khác biệt so với phần còn lại của bạn. Và tôi không phải là một con điếm”* [3]. Cuộc gặp gỡ giữa Ahn và Hae Jong không phải là cuộc gặp với nữ thần như trong lý thuyết. Hae Jong chỉ là một cô gái làng chơi, mang nhiều tai tiếng nhưng cô đã cho anh bài học sâu cay về cách đánh giá và yêu thương đồng loại, là người bạn đồng hương duy nhất cho anh cảm giác ấm áp và cũng khiến anh suy tư về số phận tha hương của đồng bào mình. Sau cuộc chiến này, Ahn cảm thấy mình có ba điều may mắn: thứ nhất, anh được chuyển công tác về thành phố; thứ hai, anh toàn mạng trở về nhà; thứ ba, anh nhận được số tiền công của chính phủ trao trả. Nhưng sự may mắn đó không làm anh mãn nguyện, tự hào.

Phần *“Trở về”*, nói về tương lai hồi hương, Ahn rất lưỡng lự, anh tâm sự với Stapley *“Bạn không cần phải trở về Mỹ nếu bạn không muốn, nhưng tôi phải trở lại Hàn*



*Quốc ngay cả khi không có nhà để về”; “Số phận của anh ấy và tôi có thể hoàn toàn trái ngược nhau. Anh ấy có thể trở thành một người tốt - một công dân Mỹ, nhận nhó trước hoá đơn hàng tháng. Đến lúc đó, mưa bom vẫn còn rơi trên quê hương tôi và những thây xác người đồng hương sẽ nằm rải rác trên một vùng đất bị chiến tranh tàn phá”* [4]. Thế nên, Ahn vừa muốn về nhà, vừa lại không muốn. Nhưng điều duy nhất thôi thúc anh lúc này là đoạn tuyệt tất cả với Việt Nam và con người nơi đây “*Ahn không muốn đung độ bất kỳ những gương mặt anh từng biết ở Việt Nam*” [5]. Không có chuyến bay thần kỳ, không có sự trợ giúp từ bên ngoài, ngay khi Ahn hoàn thành xong nhiệm vụ thì hợp đồng nghĩa vụ quân sự của anh cũng chấm dứt. Ngưỡng cửa giúp anh trở về là một chuyến tàu lạnh lẽo, kết thúc một chuyến phiêu lưu không mong đợi. Ahn và những cựu binh Hàn không thể nào tự do sống giữa lằn ranh quá khứ và hiện tại, mất khả năng làm chủ hai thế giới tinh thần và vật chất. Sau cùng, Ahn cũng không kết luận được bản chất cuộc chiến này, con người mình. Tất cả sự thật đều mơ hồ, phi lý, giả dối. Anh thấy cô đơn, nhỏ bé, lạc lõng, hối hận vì không thể nào cứu vãn được lỗi lầm.

Hành trình của Ahn Yong Kyu có những cột mốc tương đồng với hành trình người anh hùng của Campbell. Tuy nhiên, về bản chất, hình tượng người lính của Hwang đối lập hoàn toàn với cổ mẫu anh hùng trong thần thoại, phát triển theo chiều hướng tiêu cực. Sự phân mảnh các diễn ngôn quyền lực của chính phủ Mỹ, Hàn, Việt Nam Cộng hoà bởi những diễn ngôn cá nhân, mang tính chất đòi tư như của Ahn, Stapley, Hae Jong, Phạm Quyền, Shoan, Tói, ... Hình tượng người lính hiện lên nhỏ bé, mâu thuẫn, ngập trong đau thương và

mất mát. Kết thúc một cuộc hành trình nhưng họ vẫn chưa thể trả lời những câu hỏi về giá trị bản thân. Chiến tranh Việt Nam là một sân khấu hỗn tạp, con người không ngừng hoá thân vào những vai diễn đa dạng: thủ phạm/ nạn nhân, kẻ xâm lược/ anh hùng giải phóng. Chấn thương trở thành diễn ngôn đặc thù, mang tính loại hình lịch sử. Kinh nghiệm của Ahn ở chiến tranh Việt Nam nhắc nhở anh ta về cuộc nội chiến Triều Tiên (1950-1953) và vai trò của người Mỹ ở Hàn Quốc. Bi kịch hiện sinh của người lính hiện lộ rõ qua từng giai đoạn: cảm thức buồn nôn đậm đặc, những lựa chọn sai lầm, dần thân vô nghĩa, người lính luôn phải gánh vác tất cả hệ lụy từ thời đại bão táp.

Mọi ranh giới thiện - ác, đúng - sai, đồng minh - kẻ thù bị xoá nhoà, cũng như người Mỹ là có thể phân biệt được ngoại hình người Anh và người Pháp, nhưng lại không thể phân biệt người Hàn với người Việt Nam. Tuy nhiên, họ lại dễ dàng phân biệt được mục đích giữa người Mỹ và người Hàn khi đến Việt Nam “*Không, bạn đến Việt Nam để kiếm tiền*” [6]. Tương tự, người Mỹ và người Hàn luôn nhằm lẫn giữa thường dân và Việt Cộng. Đó là nguyên nhân dẫn đến các vụ thảm sát hàng loạt. Từ cái nhìn khu biệt của người Mỹ, chúng ta đã thấy những mâu thuẫn phát sinh trong mạng lưới giao cắt diễn ngôn. Cho nên, việc loại suy sự thật Chiến tranh Việt Nam không bao giờ đơn giản, xuôi chiều. Sự chồng lấn về bản chất ở mỗi giai đoạn trong hành trình phản tư của người lính Hàn đã phá vỡ trật tự tuyến tính, tính logic của mô hình. Kết luận, hành trình trở về của người lính trong “*Bóng của vũ khí*” của Hwang là hình thức giải thiêng Huyền thoại Duy nhất - “*monomyth*” của Campbell.

### 3.3. Cổ mẫu cái bóng

Cái bóng (shadow) là một cổ mẫu nguyên thủy, một kinh nghiệm lâu đời, phổ quát, nằm trong vô thức tập thể của nhân loại. Theo đó, cái bóng (shadow) là tập hợp những các tính cách bị người khác đánh giá tiêu cực, xấu xa, đê hèn, vô đạo đức, sẽ bị trừng phạt, chế giễu, khinh bỉ nếu thể hiện nó ra bên ngoài. Các tính cách bóng tối này thường xuyên bị đè nén, kiềm chế đến mức độ làm mất cân bằng đời sống tâm lý, suy giảm sức sống nội tâm. Cái bóng (shadow) biểu lộ thông qua sự phóng chiếu tâm lý lên cá thể khác, luôn nhìn ra những yếu điểm, sự kém cỏi, hèn nhát của người khác - những điều mà chúng ta trốn tránh, che giấu. Bản chất cái bóng là một biến thể tinh vi, luôn vận động, thay đổi. Cái bóng tạo ra một sức mạnh tự thân, mang đến năng lượng tích cực và sáng tạo, sức sống mới mẻ, độc lập “*cái bóng này giúp con người hoàn tất bản ngã, vừa báo hiệu sự hiện hữu, vừa chia sẻ những trải nghiệm, vừa giúp hiện hình một phần quan trọng những trải nghiệm ở tầng sâu đời sống tâm linh*” (Đào Ngọc Chương, 2007: 270).

Hwang Sok-yong vay mượn cổ mẫu cái bóng để xây dựng nhan đề tác phẩm “*Bóng của vũ khí*”, đồng thời tạo ra một hình ảnh phản thân của vũ khí chiến tranh. Cái bóng là một ẩn dụ về sức mạnh huỷ diệt của chiến tranh. Tuy nhiên, Hwang Sok-yong không lựa chọn không gian chiến trường mà lại chọn bối cảnh đô thị để chứng minh tính chất khủng khiếp của chiến tranh. Đà Nẵng là một đô thị hết sức đặc biệt: nơi đổ bộ đầu tiên của các lực lượng viễn chinh phương Tây, là đầu mối giao thương của Đông Nam Á và Đông Á. Đặc trưng văn hoá của thành phố Đà Nẵng đã thay đổi ý nghĩa “*vũ khí*”. Vũ khí không phải là công cụ giết người, chiến đấu mà trở thành hàng hoá kiếm lợi cho tất cả những phe cánh. Vũ khí và tiền

đen đại diện cho mối quan hệ chiến tranh và kinh tế tư bản. Mục đích của Hwang Sok-yong không phải lột tả nỗi đau cá nhân của người lính mà tập trung thể hiện những nguyên lý phổ quát mang tính lịch sử: bản chất của Chiến tranh Việt Nam và chủ nghĩa thực dân kiểu mới.

“*Bóng của vũ khí*” là tiểu thuyết hiện thực, một câu chuyện cô đọng, súc tích và chân thực như một thiên phóng sự, khái quát toàn cảnh một cuộc chiến vĩ đại trong những hợp đồng mua bán vũ khí giữa những thế lực quân sự và thường dân. Cái bóng đã cho thấy tất cả những yếu tính phản diện của cuộc chiến (gian dối, thâm độc, tham nhũng, ...). Ở đó, mọi người đều bị thu hút bởi ma lực đồng tiền. Ý nghĩa vũ khí đã thay đổi, có vẻ tích cực hơn đối với một số nhân vật (Tới), vì đó là phương thức đổi đời. Đứng ở điểm nhìn toàn tri, Hwang không đổ lỗi cho người Hàn và người Việt vì cả hai đất nước đều bị cưỡng ép vào một cuộc chiến phi nghĩa. Chính sự thống trị kinh tế và văn hoá tàn bạo của đế quốc Mỹ đã tha hoá con người và làm trì trệ con đường giải phóng đất nước, thống nhất lãnh thổ của Việt Nam - Hàn Quốc.

### 3.4. Ý nghĩa diễn ngôn giải huyền thoại trong “*Bóng của vũ khí*”

Giao cắt diễn ngôn về Chiến tranh Việt Nam đã kết tạo nên một thiên huyền sử mới về Hàn Quốc hiện đại. Huyền sử này cắm rễ trên tàn tích của Chiến tranh Triều Tiên, là dấu vết còn sót lại của Chiến tranh Lạnh thế kỷ XX. Người Hàn tuy đã không còn *Han* với nghèo đói, lạc hậu nhưng *Han* vẫn tích tụ theo năm tháng vì đất nước của họ vẫn mãi chia cắt. Diễn ngôn chấn thương của Hwang Sok-yong luôn khắc khoải nỗi đau phân kỳ. Bắc - Nam Triều Tiên vốn cùng một nguồn cội, nói một thứ tiếng, hát chung một bài đồng dao nhưng nay lại trở thành kẻ

thù không đội trời chung. Trong trải nghiệm của Hwang Sok-yong, Hàn Quốc là một quốc gia không toàn vẹn và người dân Hàn cảm thấy mình thiếu mất vai trò công dân, sự đoàn kết. Đó là lý do vì sao người Hàn sau chiến tranh luôn cảm thấy mình là kẻ vô gia cư, không nhà. Kết lại tiểu thuyết “*Bóng của vũ khí*”, tại bến cảng Đà Nẵng, Hae Jong và Ahn chia tay, Hae Jong đi Hồng Kông. Cô ấy tự nguyện rời bỏ quê hương, gia đình. Ahn bị buộc quay về Hàn Quốc, dù không có nhà để về. Dẫu cho, các nhân vật lựa chọn cách thức thoát khỏi Chiến tranh Việt Nam khác nhau nhưng bản chất họ đều đã đánh mất căn cước hiện sinh, mơ hồ về tương lai.

Sự thật là Chiến tranh Việt Nam đã tác động vào ý thức hệ của một bộ phận binh lính đánh thuê Hàn Quốc, giúp cho họ có cái nhìn khách quan về hiện thực quê nhà. Lộ trình đấu tranh của Triều Tiên và Việt Nam giai đoạn đầu khá giống nhau nhưng kết quả lại không đồng đều. Dân tộc Việt Nam đã đánh đuổi quân xâm lược, lật đổ chế độ Ngụy quyền bằng tinh thần đoàn kết, kiên cường, bất khuất cao độ. Chiến tranh Việt Nam đối với người Việt Nam là cuộc kháng chiến trường kỳ, giải phóng dân tộc. Nhưng Chiến tranh Triều Tiên là hệ lụy trực tiếp từ thoả thuận của hai phe trịch: Mỹ - Liên-xô. Những tác động bên ngoài càng làm *Han* tăng cao. Ranh giới của thù hận quá lớn, khiến họ khó bề hoà hợp.

Tóm lại, di dân, chấn thương tinh thần hay tâm lý không nhà, nhỏ rẻ là hậu quả bắt nguồn từ Chiến tranh Triều Tiên, Chiến tranh Việt Nam, ăn sâu vào tâm thức dân tộc. Những nỗ lực hàn gắn vết thương tinh thần bằng cách viết về Chiến tranh Việt Nam của Hwang Sok-yong đã minh chứng cho lòng yêu nước, yêu hoà bình, tinh thần nhân đạo cao cả của ông.

#### 4. Kết luận

Giải thiêng huyền thoại Hàn Quốc thông qua sự kiện Chiến tranh Việt Nam đã cho chúng ta những cảm nhận mới mẻ về lịch sử - văn hoá Hàn Quốc, mối quan hệ đồng văn, cũng như quan niệm của họ về cuộc chiến này. Những trải nghiệm và diễn giải của Hwang Sok-yong chân thực, sâu sắc, khái quát, góp sức mở rộng những sự thật khuất lấp sau sự kiện Chiến tranh Việt Nam.

Hwang Sok-yong mượn kỹ thuật giải đại tự sự lịch sử - văn hoá nhằm kêu gọi độc giả phản tư lại tất cả sự thật/ chân lý quen thuộc xung quanh, phá vỡ giả thuyết đàn áp của diễn ngôn quyền lực, để sản sinh diễn ngôn mới, tạo thế cân bằng, bình đẳng, khách quan trong nhiệm vụ phản ánh đời sống. Đọc, ngẫm nghĩ, đối thoại sâu vào bản chất của những đề tài/ lãnh địa cấm kỵ là cách giải quyết những mâu thuẫn, ẩn ức tồn đọng trong quá khứ. Muốn thúc đẩy một mối quan hệ đa phương kiểu mẫu giữa Việt - Hàn - Mỹ, trước hết chúng ta hãy tự chữa lành những thương ngán tinh thần bằng con đường văn học vị tha.

#### Chú thích

- [1] Sok-yong, H. (2014). *The Shadow of Arms*. New York, Seven Stories Press, 400.
- [2] Sđd, 23.
- [3] Sđd, 80.
- [4] Sđd, 397.
- [5] Sđd, 571.
- [6] Sđd, 27.

#### Tài liệu tham khảo

- Barthes, R. (1991). *Mythologies*. Lavers, A. (1972), Translated from the French *Mythologies* (1957) by Editions du Seuil, Paris (25<sup>th</sup> ed.). New York, The Noonday Press.
- Byeong-cheon, L. (Ed.) (2003). Translated

- by Kim, E. and Cho, J. (2006). *Developmental Dictatorship and the Park Chung-hee Era, The Shaping of Modernity in the Republic of Korea*. New Jersey, Homa and Sekey Books.
- Campbell, J. (2004). *The Hero with a Thousand Faces*. Thiên Nga dịch (2011), *Người hùng mang ngàn gương mặt*. Hà Nội, Nxb Dân Trí.
- Dương Ngọc Dũng (2007). Huyền thoại và giải huyền thoại trong tư tưởng Roland Barthes. Trong *Huyền thoại và văn học*, khoa Ngữ Văn và Báo chí, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh. Tp. Hồ Chí Minh, Nxb Đại học Quốc gia, 83-97.
- Đào Ngọc Chương (2007). Cổ mẫu cái bóng (Những suy nghĩ từ truyện “Cái bóng” của Hans Christian Andersen và một số tác phẩm văn học). Trong *Huyền thoại và văn học*, khoa Ngữ Văn và Báo chí, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh. Tp. Hồ Chí Minh, Nxb Đại học Quốc gia, 270-276.
- Đặng Anh Đào (2012). *Huyền thoại văn chương: Thời điểm phát sáng và biến hóa trong văn học viết hiện đại*. Truy xuất từ: <http://vienvanhoc.vass.gov.vn/noidung/tintuc/Lists/VanHocNuocNgo>
- ai/View\_Detail.aspx?ItemID=2, truy cập ngày 01/10/2021.
- Kim, N.R. (2015). *A Transnational Perspective On Vietnam War Narratives of The U.S. and South Korea*. Master Thesis, Georgia State University. doi: <https://doi.org/10.57709/7309973>
- Pageaux, D.H. (1994). Huyền thoại. Nguyễn Thị Thanh Xuân lược dịch (2007). Trong *Huyền thoại và văn học*, khoa Ngữ Văn & Báo chí, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh. Tp. Hồ Chí Minh, Nxb Đại học Quốc gia, 22-45.
- Slethaug, G.E. (1995). Demythologizing. In Makaryk, I.R. (Editor). *Encyclopedia of Contemporary Literary Theory - Approaches, Scholars and Terms*. Toronto, University of Toronto Press, 529-530.
- Vietnam War Statistics (2005). Military Compilation Research Institute of The Republic of Korea Ministry of National Defense. Truy xuất từ [https://www.imhc.mil.kr/user/indexSub.action?codyMenuSeq=70409&siteId=imhc&menuUIType=sub&dum=dum&boardId=O\\_45416&page=1&command=view&boardSeq=o\\_47000000000188](https://www.imhc.mil.kr/user/indexSub.action?codyMenuSeq=70409&siteId=imhc&menuUIType=sub&dum=dum&boardId=O_45416&page=1&command=view&boardSeq=o_47000000000188), truy cập ngày 05/07/2021.